

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2018

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước;

2. Ông Nguyễn Phi Hùng;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Văn Minh, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Trần Cao Lâm – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXX - ST, ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Lưu Thị Ngọc Ph, sinh năm 1971;

- Bị đơn: Anh Trần Bé B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: tổ 06, ấp Phú Th, xã Phú H, huyện C, Tỉnh Đ.

Có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/7/2015 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn Lưu Thị Ngọc Ph trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: vào năm 1999, chị và anh Trần Bé B chung sống với nhau như vợ chồng có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 2002 tại UBND xã Ph, huyện C, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Bé B sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Trần Bé B thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, đánh và chửi mắng vợ con không lo gì cho gia đình. Chị đã cố gắng khuyên anh Trần Bé B anh Trần Bé B không thay đổi tính tình. Hiện nay tình cảm giữa chị với anh Trần Bé B không còn nên chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Trần Bé B.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Ngọc M, sinh 2000 và Trần Minh H, sinh năm 2013 hiện đang sống với chị Ph. Chị Ph yêu cầu được nuôi cháu M và cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Bé B cấp dưỡng nuôi con.

Theo bản khai ngày 16 tháng 10 năm 2017, cháu Trần Ngọc M có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Lưu Thị Ngọc Ph sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Bé B vắng mặt không lý do mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Bé B nhưng tại phiên tòa hôm nay Trần Bé B vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Bé B theo thủ tục chung.

[1]- Về quan hệ vợ chồng:

Chị Ph và anh Trần Bé B chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 2002 tại UBND xã Ph, huyện C, tỉnh Đ được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần Bé B thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, đánh và chửi mắng vợ con. Chị Ph đã cố gắng khuyên nhủ nhưng anh Trần Bé B không thay đổi tính tình. Tại phiên tòa hôm nay chị Ph xác định không còn tình cảm với anh Trần Bé B nên yêu cầu ly hôn với anh và không đồng ý trở về đoàn tụ. Theo hồ sơ vụ án, thì mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Bé B

nhưng anh vẫn không có ý kiến gì về việc chị Lưu Thị Ngọc Ph yêu cầu xin ly hôn với anh và việc chị Ph yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh cấp dưỡng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng anh B vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Ph.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Ph và anh Trần Bé B đã thật sự chưa trầm trọng, đời sống vợ chồng có thể hàn gắn lại được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Ngọc Ph.

[2]- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc M, sinh năm 2000 và Trần Minh H, sinh năm 2013 hiện đang sống với chị Phượng. Chị Ph yêu cầu được nuôi cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Bé B cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu M đã lớn trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo quy định tại Điều 81 **Luật hôn nhân và gia đình năm 2014** quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Tại bản khai ngày 16 tháng 10 năm 2017, cháu Trần Ngọc M có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Lưu Thị ngọc Ph sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, việc chị Ph yêu cầu được nuôi cháu Hoàng sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Bé B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng cháu M đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyện vọng của cháu.

[3] - *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải.

[4] - *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Lưu Thị ngọc Ph nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bị đơn không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hoà giải và xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ điều khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.*

- *Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Ngọc Ph về việc ly hôn với anh Trần Bé B.

- *Về con chung:* chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Ngọc Ph về việc nuôi Trần Minh H sinh năm 2013 sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Bé B cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Riêng cháu M đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lưu Thị Ngọc Ph và các thành viên trong gia đình chị Ph không ai có quyền cản trở anh Trần Bé B đến thăm nom, chăm sóc, nuôi con dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, Nợ chung:* không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* chị Lưu Thị Ngọc Ph nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí chị Lưu Thị Ngọc Ph đã nộp 300.000 đồng ngày 13/10/2017 theo biên lai số 12236 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí chị Ph phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS _(minh).

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 10 năm 2018

Tại: phòng nghị án

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê văn Phước.

2. Ông Nguyễn Phi Hùng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Lưu Thị Ngọc Phượng, sinh năm 1971;

- Bị đơn: Anh Trần Bé Bảy, sinh năm 1975;

Địa chỉ: tổ 06, ấp Phú Thạnh, xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- *Căn cứ điều khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.*

- *Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Ngọc Phượng về việc ly hôn với anh Trần Bé Bảy.

- *Về con chung:* chấp yêu cầu của chị Lưu Thị Ngọc Phượng về việc nuôi Trần Minh Hoàng sinh năm 2013 sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Bé bảy

cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Riêng cháu Mỹ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lưu Thị Ngọc Phượng và các thành viên trong gia đình chị Phượng không ai có quyền cản trở anh Trần Bé Bảy đến thăm nom, chăm sóc, nuôi con dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Lưu Thị Ngọc Phượng nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí chị Lưu thị Ngọc Phượng đã nộp 300.000 đồng ngày 13/10/2017 theo biên lai số 12236 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị Phượng phải nộp.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA